TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **216**/2018/DS-PT
Ngày: 27 & 29-11-2018
V/v tranh chấp: "Hợp đồng thuê dịch vụ, bồi thường thiệt hại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Minh Hải

Các Thẩm phán : Ông Hoàng Ngọc Linh

: Bà Trần Thị Thúy Hà

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 145/2018/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng thuê dịch vụ, bồi thường thiệt hại".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2018/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 254/2018/QĐPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông Võ Văn G , sinh năm 1979, địa chỉ cư trú: TT A , huyện A, tỉnh A .

Ông Nguyễn Chí C , sinh năm 1988, địa chỉ cư trú: xã Ô , huyện C , tỉnh A .

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông C có luật sư Phan Thị V , thuộc đoàn luật sư tỉnh A .

- **Bị đơn**: Ông Lâm Phúc H , sinh năm 1985, địa chỉ cư trú: xã V , huyện A, tỉnh A .

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Huế A , sinh năm 1994, địa chỉ cư trú: xã V , huyện A, tỉnh A .

Người đại diện theo ủy quyền của ông H , bà A là bà Nguyễn Thị Kim P , sinh năm 1960, địa chỉ cư trú: phường B , thành phố L , tỉnh A . (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/10/2018).

(Ông G , ông C , bà P , LS V có mặt tại phiên tòa)

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Võ Văn G , ông Nguyễn Chí C .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm

Nguyên đơn ông Võ Văn G trình bày: Vào khoảng tháng 3/2013 (không nhớ ngày tháng), ông và ông Lâm Phúc H có ký hợp đồng ngắn hạn thuê dịch vụ bán hàng. Nội dung ông bán cà phê cho ông H với tiền với lương được hưởng theo doanh thu giá 11.000đ/kg cà phê và thực hiện chương trình khuyến mãi mua 10 kg được tặng 3 kg cà phê hoặc tặng phẩm kèm theo nhưng ông không nhớ số lượng cà phê bán được cụ thể là bao nhiêu.

Đến tháng 3/2014 thì hai bên chấm dứt hợp đồng, đồng thời kết sổ với nhau, ông còn nợ của ông H 4.676kg cà phê phát sinh chưa tặng khách hàng, tính ra thành tiền là 46.760.000đ, ông đã trả cho ông H được 28 triệu đồng, còn nợ lại 18.760.000 đồng.

Theo chương trình khuyến mãi tặng khách hàng, khi mua 10 kg cà phê được tặng 03 kg kèm theo, nếu khách hàng không lấy cà phê tặng thì sẽ lấy các sản phẩm khác trị giá tương đương 03 kg cà phê. Thực tế số cà phê ông bán 4.676 kg và 1.558 kg cà phê khuyến mãi, tổng cộng 6.751 kg. Tính ra 01 ký 11.000 đồng x 6751 kg thành tiền 74.261.000 đồng, số tiền này ông H nợ ông.

Ngoài ra, ông không biết chương trình khuyến mãi của ông H đưa ra sai nên ông có ký nhận nợ với ông H và đưa cho ông Hậu 28.000.000 đồng. Do đó ông yêu cầu ông H phải trả lại số tiền này cho ông.

Nay ông yêu cầu ông H phải trả cho ông 102.261.000 đồng.

Sau này ông phát hiện chương trình khuyến mãi của ông H có sai sót ảnh hưởng đến quyền lợi của ông nên ông khởi kiện yêu cầu ông Hậu phải thanh toán cho ông số tiền 102.261.000 đồng và không yêu cầu gì khác.

Nguyên đơn ông Nguyễn Chí C trình bày: Vào các ngày 07/7/2014, 07/8/2014 ông và ông Lâm Phúc H có ký hợp đồng ngắn hạn thuê dịch vụ bán hàng, nội dung ông bán cà phê cho ông H với tiền lương thuê tính theo số lượng bán hàng

và lãnh tiền hàng tháng khi hết hợp đồng. Thời gian từ ngày 07/7/2014 đến ngày 05/9/2014, ông thực hiện hai đợt. Cụ thể như sau:

Đợt 1*:* Từ ngày 08/7/2014 đến ngày 12/8/2014 ông bán cho ông H được 3.773,5 kg, lương hưởng của đợt này là 11.000 đồng/1kg bằng 41.508.500 đồng, hai bên thỏa thuận lấy 2000 kg cà phê làm chuẩn, nếu bán vượt 100kg thì được thưởng 300.000đồng/100kg và 1.000.000 đồng tiền chi phí. Tổng số tiền đợt này là 41.508.500 đồng + 6.100.000 đồng = 47.608.500 đồng.

Ngoài ra, ông H giao thêm cho ông chịu trách nhiệm thu tiền khách hàng còn nợ là 121.907.000 đồng và quy định cứ mỗi tháng ông phải giao lại cho ông H 10% trên số nợ phải thu và được giảm dần vào các tháng sau đó, bất kể có thu được hay không, trong tháng đầu tiên ông giao cho ông H 12.200.000 đồng tiền nợ phải thu còn lại 109.707.000 đồng.

Ngày 12/8/2014, hai bên đối chiếu sổ thì ông có trách nhiệm phải trả cho ông H 265.269.000 đồng, trong đó: Tiền cà phê gốc: 233.350.000 đồng, tiền mua dù của ông H : 17.794.000 đồng, tiền chi phí: 1.925.000 đồng, tiền thu hồi 10%: 12.200.000 đồng. Nhưng ông chỉ chuyển cho ông H 242.402.000 đồng cộng với tiền lương ông hưởng 47.608.500 đồng bằng 290.110.500 đồng, khấu trừ cho nhau thì ông H nợ ông lại 24.741.500 đồng.

Sau đó ông H kiểm tra kho thì còn lại 854.9kg cà phê chưa tặng khách hàng theo chương trình khuyến mãi tương đương 71.650.000 đồng và 560kg cà phê tồn kho. Trong khi đó ông đã bán vượt 978.5kg (cà phê khuyến mãi), ông H phải chịu số cà phê khuyến mãi phát sinh 978.5kg x 0.3 = 293.55kg tương đương 24.600.000đồng.

Do đó ông H phải thanh toán cho ông: 24.741.500đồng + 24.600.000đồng – 25.620.000đ (cà phê sau khi trừ ở kho) = 23.721.500 đồng.

Đợt 2*:* Từ ngày 13/8/2014 đến ngày 05/9/2014, ông bán được 2.710.5kg (trong đó có 560kg tồn kho tháng trước) nhưng lương hưởng của đợt này chỉ là 7.000 đồng/kg = 18.973.500 đồng và thỏa thuận vẫn lấy 2000kg làm chuẩn, vượt 100kg được thưởng 200.000 đồng/100kg, đợt này không có tiền hỗ trợ chi phí nên ông chỉ nhận được 18.973.500 đồng + 1.400.000 đồng = 20.373.500 đồng.

Ngày 05/9/2014, hai bên đối chiếu sổ thì ông có trách nhiệm phải trả cho ông H 172.603.700 đồng là tiền cà phê gốc nhưng ông chỉ chuyển cho ông H 164.000.000 đồng, ông còn nợ ông H 8.603.700 đồng. Trong khi tiền lương ông C phải nhận 20.373.500 đồng. Khấu trừ 8.603.700 đồng qua 20.373.500 đồng, còn lại ông được nhận 11.969.800 đồng.

Sau đó ông H kiểm tra sổ và kho thì còn 1.026,3kg cà phê chưa tặng khách hàng tương đương 85.649.000 đồng. Tuy nhiên, trong 1026.3kg là gồm 854.9kg của tháng trước mà ông đã thanh toán cho ông H xong nên chỉ còn lại 85.649.000 đồng – 71.650.000 đồng = 13.999.000 đồng. Khấu trừ 13.999.000 đồng qua 11.969.800 đồng. Còn lại 2.029.200 đồng ông Cường còn nợ ông H .

Tuy nhiên, theo chương trình khuyến mãi thì khách hàng mua 10kg sẽ được tặng 3kg, một số trường hợp khách hàng không lấy cà phê mà lấy tặng phẩm như dù, bàn ủi…. những tặng phẩm này ông Cường đều phải mua của ông H , cho nên ông H phải trả lại số kg cà phê tương đương cho ông 627.04kg x 0.3 = 188.112kg tương đương số tiền 15.534.390 đồng. Khầu trừ 2.029.200 đồng qua 15.534.390 đồng, còn 13.505.190 đồng.

Về phần thu tiền nợ của khách hàng thì được tính: 121.907.000đ – 12.200.00đ 109.707.000đồng, ông được nhận 10% =1.116.000đồng.

Tổng các khoản ông H còn nợ ông: 23.721.500đồng + 13.305.190 đồng + 1.116.000 đồng = 38.342.690 đồng. Ông yêu cầu ông H phải trả ngay, không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Lâm Phúc H trình bày:

- Đối với ông Võ Văn G : Do thời gian mua bán quá lâu nên ông không nhớ rõ thời gian bắt đầu và kết thúc khi nào và tổng số cà phê ông G nhận bán cho ông là bao nhiêu. Tuy nhiên, sau khi hai bên kết thúc mua bán có tiến hành kết sổ với nhau thì ông G ký nhận còn nợ ông 46.760.000đồng. Ông G có trả bằng hình thức giao chiếc xe mô tô trị giá 18.000.000 đồng và trả mỗi tháng 2.000.000 đồng, được 5 tháng x 2.000.000 đồng = 10.000.000 đồng, tổng số trả 28.000.000 đồng, trừ 46.760.000 đồng, còn nợ lại 18.760.000 đồng từ ngày 28/8/2014 đến nay không trả. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu của ông G , ông có yêu cầu phản tố,yêu cầu ông G trả số tiền 18.760.000 đồng và không yêu cầu gì khác.

- Đối với ông Nguyễn Chí C : Thống nhất ông có hợp đồng thuê dịch bán hàng với ông C . Cụ thể:

Đợt 1*:* Từ ngày 07/7//2014 đến ngày 06/8/2014, ông chuyển giao cho ông C tổng cộng 6 đợt với tổng số tiền 244.939.000đồng, trong đó có 2.805kg cà phê để bán và 1.538.5kg cà phê để tặng khách theo chương trình khuyến mãi mua 10kg tặng 03kg, nếu khách hàng không lấy cà phê thì được nhận các tặng phẩm tương đương.

Ông C bán được 3.124,3kg x 11.000đồng/kg = 34.367.000đồng, hổ trợ 1.000.000 đồng tiền chi phí, hoa hồng bán được 3.300.000 đồng, trừ tiền 10% hợp đồng huê hồng 12.200.000đ, đợt này ông C được 26.467.000đồng.

Đến ngày 06/8/2014, hai bên kết sổ sách với nhau thì tiền cà phê gốc và chi phí khác là 254.869.000 đồng trong khi tiền ông C gửi về 218.000.000 đồng, nên ông C còn nợ lại 10.402.000đồng, ông C đã thanh toán xong, hai bên tiếp tục ký kết hợp đồng bán hàng đợt 2.

Đợt 2*:* Từ ngày 07/8/2014 đến ngày 05/9/2014, ông C bán được 3.360kg trong đó có 649.5kg x 11.000đồng/kg và 2710.5kg x 7.000đồng/kg, tổng số tiền 26.118.000 đồng cùng với tiền thưởng bán vượt mức 2.600.000đồng = 28.718.000đồng.

Tuy nhiên, đối với số cà phê phẩm từ ngày 07/8/2014 – 12/8/2014 ông C đã bán bỏ túi riêng với số tiền 17.293.000đồng (ngày 13/8/2014 ông C đã thanh toán trước số tiền này).

Đến ngày 05/9/2014 ông kết sổ với ông C thì có những khoản như sau:

Tiền cà phê gốc: 136.795.000đ

Tiền ông C gởi về 164.000.000đ

Tiền cà phê khuyến mãi ông C không tặng mà đem bán bỏ túi riêng: 85.649.000đồng (tính tổng từ ngày 07/8/2014 – 05/9/2014 ông C có ký xác nhận).

Tiền chênh lệch hợp đồng huê hồng giữa 02 tháng: 2.177.000 đồng

Số tiền đợt 2 ông C có được là: 28.718.000đồng + (164.000.000đồng – 136.795.000đồng) – 87.826.000đồng = 31.903.000đồng – 17.293.000đồng (trả vào ngày 13/8/2014) = 14.610.000đ ông C còn nợ lại ông. Nay ông yêu của ông C phải trả lại và không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông G , ông C bảo lưu ý kiến của mình.

Bà P là đại diện theo ủy quyền của ông H , bà A trình bày: Các bên thừa nhận có ký hợp đồng thuê dịch vụ; thời gian 02 ông G , C bán hàng cho ông Hậu đã không thực hiện đúng hợp đồng, tiền bán cà phê không giao nộp, còn chiếm dụng tiền bán hàng nên không tiếp tục hợp đồng. Tuy nhiên trước khi chấm dứt hợp đồng, các bên có đối chiếu sổ sách. Trong đó:

Đối với ông G thừa nhận còn nợ ông H 46.760.000 đồng và thực hiện trả bằng hình thức giao xe, bằng tiền tổng sồ 28.000.000 đồng, còn lại 18.760.000 đồng, ông G thừa nhận nên ông H phản tố là có cở sở, đề nghị HĐXX chấp nhận phản tố

của ông H . Việc ông G kiện ông H phải trả 102.261.000 đồng nhưng không có cơ sở chứng minh, trong khi đơn khởi kiện ngày 05/11/2015 ông G kiện ông H 68.000.000 đồng, đơn khởi kiện đánh máy cùng ngày kiện 113.300.000 đồng, yêu cầu của ông G trước sau không thống nhất, nên đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu của ông G .

Đối với ông C , thời gian từ 07/7/2014 đến ngày 05/9/2014 ông C bán cho ông H 6.484 kg, trong đó có 3.773,5kg, hưởng lương theo giá 11.000 đồng/01 kg; 2.710.5kg hưởng theo giá 7.000 đồng/01 kg. Sở dĩ, hưởng giá 7000 đồng/01 kg cà phê là ông H phát hiện ông C có vi phạm và ông C tự nguyện nhận để có việc làm.

Trong 02 tháng, ông C nhận của ông H 4.451,5kg cà phê gốc, qui thành 391.664.000 đồng + 121.907.000 đồng tiền sang sổ bằng 513.571.000 đồng. Ngoài ra ông C còn nhận 2.032.5kg cà phề tặng phẩm qui thành 169.070.000 đồng, tổng cộng ông C nhận (4.451,5kg +2.032.5kg = 6.486 kg), trong đó có 3.773,8 kg theo giá 11.000 đồng/01 kg và 2.710,5kg theo giá 7.000 đồng/01 kg. Tuy nhiên, ông C chỉ trả cho ông H 406.602.000 đồng + 110.823.000 đồng tiền sang sổ = 517.225.000 đồng, khấu trừ qua 513.571.000 đồng, phần ông C 3.654.000 đồng cùng với tiền lương ông C 67.385.000 đồng, tổng cộng ông C được trả 71.039.000 đồng.

Ngược lại ông C có nghĩa vụ trả lại cho ông H cà phê tặng phẩm mà ông C chưa tặng cho khách hàng trị giá 85.649.000 đồng. Khấu trừ 71.039.000 đồng qua 85.649.000 đồng, ông C còn phải trả cho ông Hậu 14.610.000 đồng, nên đề nghị HĐXX chấp nhận phản tố của ông H .

Bà P cho biết thêm việc ông C , ông G cho rằng lấy 03 kg phát sinh đem đi bán để lấy tiền mua vật dụng khác tặng cho khách hàng nên phải chịu thêm 900g là không có căn cứ, cơ sở của ông H không có đưa ra chương trình khuyến mãi này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 86/2018/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện A đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn G buộc ông Lâm Phúc H trả cho ông G 102.261.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lâm Phú H đối với ông Võ Văn G

Buộc ông Võ Văn G trả cho ông Lâm Phúc H 18.760.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí C buộc ông Lâm Phúc H phải trả 38.342.690 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lâm Phú H đối với ông Nguyễn Chí C.

Buộc ông Nguyễn Chí C trả cho ông Lâm Phúc H 14.610.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị, lãi suất trả và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, ông Võ Văn G , ông Nguyễn Chí C cùng có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A với nội dung:

- Ông Võ Văn G yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bác yêu cầu phản tố của ông H và buộc ông H phải trả tiền công cho ông sau khi đã khấu trừ thì số tiền còn phải trả là 102.261.000 đồng.

- Ông Nguyễn Chí C yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bác yêu cầu phản tố của ông H và buộc ông H phải trả tiền công cho ông sau khi đã khấu trừ thì số tiền còn phải trả là 38.142.690 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Võ Văn G , ông Nguyễn Chí C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ án.

Luật sư V người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông C sau khi phân tích các tài liệu cung cấp ở giai đoạn phúc thẩm thì yêu cầu Hội đồng xét xử bác yêu cầu phản tố của ông H , chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C và buộc ông H phải trả lại cho ông C số tiền 41.517.000 đồng hoặc 38.142.690 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu: Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của ông Võ Văn G và ông Nguyễn Chí C là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ qui định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án: Qúa trình giải quyết vụ án ông G , ông C không cung cấp được chứng cứ chứng minh thiệt hại xảy ra khi bán cà phê theo chương trình khuyến mãi của ông H . Cũng như không cung cấp được số lượng cà phê mà các ông đã bán để tính mức thiệt hại. Ông G thừa nhận chỉ căn cứ vào số lượng cà phê khi hai bên kết sổ để làm mốc tính, đối với mức thiệt hại các ông đưa ra, ông H không thừa nhận nên yêu cầu khởi kiện của ông G , ông C là không có căn cứ để chấp nhận. Đối với yêu cầu phản tố của ông H , tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, ông G cũng thừa nhận sau khi kết sổ, ông có ký tên xác nhận còn nợ lại ông H số tiền 46.760.000 đồng, sau đó ông có trả được 28.000.000 đồng, nên còn nợ lại 18.760.000 đồng. Ông C cũng xác nhận số lượng cà phê chưa tặng khách hàng với số tiền 85.649.000 đồng, sau khi khấu trừ số tiền ông C trả cho ông hậu thì ông C còn lại 14.610.000 đồng. Do đó, ông H phản tố yêu cầu ông G , ông C có nghĩa vụ trả lại số tiền trên là có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử: giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 86/2018/DS-ST ngày 21/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện A .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Luật sư và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Ông Võ Văn G , ông Nguyễn Chí C là nguyên đơn trong vụ án kháng cáo có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận về mặt hình thức.

[2] Về nội dung vụ án, thấy: Ông G kiện ông H phải trả 102.261.000 đồng. Ông G cho rằng chương trình khuyến mãi của cơ sở Phúc H đưa ra sai. Theo đó, chương trình khuyến mãi tặng khách hàng, khi khách hàng mua 10 kg cà phê được tặng kèm theo 03 kg cà phê cùng loại, nếu khách hàng không lấy cà phê thì sẽ tặng sản phẩm khác có giá trị tương đương 03 kg cà phê. Ngoài ra, ông G còn trình bày khi khách hàng không lấy 03 kg cà phê khuyến mãi thì ông lấy 03 kg cà phê này đem bán cho người khác để lấy tiền mua sản phẩm tặng khách hàng nên mỗi kg cà phê khuyến mãi sẽ phát sinh 300g cà phê tặng phẩm, 03 kg cà phê khuyến mãi thì phát sinh 900 cà phê tặng phẩm. Ông C và ông H thống nhất: Số cà phê ông C bán cho ông H đợt 1 là 3.124 kg; đợi 2 là 3.360 kg (649,5 loại 11.000 đồng và 2.710,5 loại 7.000) tổng số cà phê 6.484 kg; thống nhất số tiền ông C gởi về cho ông Hậu hai đợt 406.402.000 đồng (đợt 1: 242.402.000 đồng, đợt 2: 164.000.000 đồng); thống nhất tổng số tiền đầu ký và tiền vượt doanh thu của ông C 67.385.000 đồng; thống nhất hợp đồng thu tiền khách hàng nợ cà phê ký kết 02 lần còn lại 110.823.000 đồng. Tổng số cà phê ông C lấy của ông H 6.484 kg nhưng ông C chỉ trả cho ông H 406.402.000 đồng và tiền thu của khách hàng nợ 02 lần 110.823.000 đồng, tổng cộng ông C trả cho ông H 517.225.000 đồng (hai bên đã thống nhất) trừ cho số tiền ông C phải thanh toán cho ông H 513.571.000 đồng (gồm 4.451,5kg cà phê gốc, thành tiền 391.664.000 đồng + tiền sang sổ 121.907.000 đồng). Ông H trình bày số tiền ông C đã nhận từ ông 71.039.000 đồng, bao gồm tiền dư 3.654.000 đồng, tiền thưởng vượt doanh thu 1.000.000 đồng, tiền lương 67.385.000 đồng. Ông C cho rằng chương trình khuyến mãi của cơ sở Phúc H có sai sót. Khi khách hàng không lấy 03 kg cà phê khuyến mãi thì ông lấy 03 kg cà phê này đem bán cho người khác để lấy tiền mua sản phẩm tặng khách hàng nên mỗi kg cà phê khuyến mãi sẽ phát sinh 300g cà phê tặng phẩm nên mỗi kg cà phê tặng phẩm ông sẽ chịu lỗ 300g cà phê.

[3] Nội dung yêu cầu khởi kiện của ông G và ông C không được phía bị đơn thừa nhận và các ông cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Nên cấp sơ thẩm không có cơ sở để xem xét và xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn G buộc ông Lâm Phúc H trả cho ông G 102.261.000 đồng và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí C buộc ông Lâm Phúc H phải trả 38.342.690 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Bên cạnh đó, ông G thừa nhận sau khi kết thúc hợp đồng với ông H , ông có ký nhận nợ tiền ông Hậu 46.760.000 đồng đã trả được 28.000.000 đồng. Và ông C cũng thừa nhận có ký xác nhận với ông Hậu số cà phê chưa tặng cho khách hàng ở An Thới tính ra tiền 45.356.000 đồng vào ngày 10/9/2014; số cà phê chưa tặng tại Gành Dầu 40.293.000 đồng, xác nhận vào ngày 20/9/2014. Tổng cộng số cà phê ông C chưa tặng cho khách tổng giá trị 85.649.000 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ ông G còn nợ ông H 18.760.000 đồng (46.760.000 đồng - 28.000.000 đồng) và ông C còn nợ ông H 14.601.000 đồng (85.649.000 đồng – 71.039.000 đồng). Do đó, cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu phản tố của ông H đối với ông G và ông C là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông G và ông C vẫn cho rằng mình bị thiệt hại từ chương trình khuyến mãi của ông H , yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo nhưng hai ông ngoài lời trình bày thì không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình, ông G thừa nhận không có chứng cứ chứng minh, ông chỉ tạm tính, còn chứng cứ chứng minh thiệt hại không có (BL 202; 250). Đối với ông C các lời trình cũng bất nhất. Ông C kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông và buộc ông H trả cho ông 38.142.690 đồng. Kèm theo đơn kháng cáo có bảng giải trình ông bị thiệt hại 88.610.000 đồng (BL 291). Luật sư bảo vệ cho ông C yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C buộc ông H trả 41.517.000 đồng hoặc theo đơn khởi kiện 38.142.690 đồng. Các yêu cầu của ông G và ông C cũng không được đại diện bị đơn chấp nhận, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng không thể xem xét khác. Giữ y bản án sơ thẩm số 86/2018/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện A như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Ông Võ Văn G và ông Nguyễn Chí C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo của các ông không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn G , ông Nguyễn Chí C ;

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 86/2018/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện A , tỉnh A . Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

- Án phí: Ông Võ Văn G và ông Nguyễn Chí C mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003095 và 0003096 ngày 05/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A , tỉnh A .(Đã nộp xong)

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh A (1)
- TAND huyện A (1)
- THA huyện A (1).
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh A (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh A (1)
- Đương sự "Để thi hành"
- Lưu: hồ sơ.

Trần Minh Hải